

**Bản án số: 112/2020/HS-ST
Ngày: 29 - 10 - 2020**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vi Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Quang Định
2. Bà Phạm Thị Dung.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 10 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Xuân D**, sinh ngày 04 tháng 4 năm 1980; nơi sinh: Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hồng T và bà Nguyễn Thị B; vợ là Phùng Thị H; có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt.

2. Họ và tên: **Đào Văn P**, sinh ngày 04 tháng 4 năm 1977; nơi sinh: thành phố H, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: thôn K, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Mạnh H (đã chết) và bà Phan Thị Ph; vợ là Nguyễn Thị T; có 03 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt.

3. Bị hại: anh Trần Minh K (đã chết ngày 05/3/2020):

Các đại diện hợp pháp của bị hại:

Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1983 (là vợ anh K).

Ông **Trần Đức V**, sinh năm 1939 (là bố anh K).

Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1943 (là mẹ anh K)

Đều trú tại: Thôn K, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Ông Trần Đức V và bà Trần Thị K ủy quyền cho chị Trần Thị H tham gia tố tụng, chị Trần Thị H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người làm chứng:

- Anh **Vũ Văn C**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn X, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt

- Anh **Hà Minh T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt.

- Anh **Trần Văn Công S**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt.

- Anh **Lê Tiến H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 1, khu C, phường P, TP U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2019, Trần Xuân D mở cơ sở tập kết vật liệu xây dựng, sản xuất cọc bê tông và nhận ép cọc bê tông làm móng nhà. Ngày 20/02/2020, D ký hợp đồng ép cọc bê tông cho anh Lê Tiến H, tại tổ 1, khu C, phường P, thành phố Uông Bí. Sau khi ký được hợp đồng, D tìm mua máy ép cọc và thuê công nhân thực hiện công việc ép cọc. D mua máy móc của công ty L (địa chỉ tại T, Hà Nội), gồm có: 01 cần cẩu, 01 máy lồng ép cọc bê tông, 01 máy nguồn và một số phụ kiện khác. Ngày 02/3/2020, D thuê máy cẩu chở các loại máy trên đến lắp đặt tại nhà anh H, phục vụ việc ép cọc. Anh C giới thiệu cho D thuê Đào Văn P và các anh Trần Minh K, anh Hà Minh T và anh Trần Văn Công S cùng trú tại xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên để vận hành hệ thống máy trên cho mình ở nhà anh H. P và các anh K, S và T đều là lao động tự do, chưa qua đào tạo về xây dựng và vận hành máy ép cọc bê tông. Trước khi thực hiện công việc, D không tổ chức huấn luyện an toàn lao động, không trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho những người lao động trên.

Sáng 05/3/2020, sau khi lắp đặt xong hệ thống ép cọc, P cùng các anh K, T và S tiến hành ép cọc bê tông tại nhà anh H. Cả nhóm tự phân công công việc: P điều khiển máy nguồn để nâng hạ khung dẫn hướng di động của lồng ép cọc; anh K điều khiển máy cẩu; anh S đặt thanh sắt cố định giữa đầu cọc bê tông với lồng ép; anh T đưa cọc vào lồng ép; ngoài ra, mỗi người có thể làm các công việc khác theo yêu cầu của công việc.

Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, cả nhóm tiến hành ép cọc bê tông thứ hai tại góc nhà phía trước bên phải. P đứng ở chỗ đặt máy ép dầu thủy lực, từ vị trí của P đến vị trí đặt lồng ép, bị máy cầu che khuất tầm nhìn, P không quan sát được tình hình của lồng ép. Anh K đang ngồi trên máy cầu, thấy phần đầu cọc bê tông thứ nhất nhô lên khỏi mặt đất chưa được đặt khung sắt cố định nối với thanh cọc thứ hai, anh K đi xuống, dùng tay phải lấy khung sắt rồi nhào phần thân trên vào phía trong của lồng ép cọc đặt khung sắt vào đầu cọc thứ nhất. Đúng lúc này, P điều khiển thanh dẫn hướng di động hạ xuống đè vào phần đầu của anh K, anh K hô lên đồng thời vẫy tay ra hiệu dừng lại. Thấy vậy, anh T ra hiệu cho P dừng lại, nâng thanh dẫn hướng di động lên và đưa anh K đi bệnh viện cấp cứu, nhưng anh K đã tử vong trên đường đi bệnh viện.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: tại hiện trường để lại 01 máy cầu nhãn hiệu Yanmar, 01 lồng ép cọc bê tông (gồm bộ đỡ được gia cố bằng các thanh dầm ngang; khung dẫn hướng di động và cố định), 01 máy ép dầu thủy lực và các cọc bê tông được xếp nằm ngang. Máy cầu nằm ở giữa lồng ép cọc bê tông và máy nguồn; lồng ép cọc bê tông nằm ở hướng Đông so với máy cầu, cách máy cầu 2,15m mét; máy ép dầu thủy lực nằm ở phía Tây Bắc so với lồng ép, cách lồng ép 10,8 mét. Ngay bên dưới lồng ép cọc bê tông là 01 cọc bê tông nhô lên khỏi mặt đất, cạnh cọc bê tông là một đám máu nhỏ giọt.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 lồng ép cọc bê tông; 01 máy ép dầu thủy lực (bên trên máy ghi Cơ khí Lê Bằng); 01 máy cầu nhãn hiệu Yanmar, trên cần trục có chữ Tadano; 02 thanh dầm ngang được hàn thành khung; 02 thanh định vị dầm và một số phụ kiện phục vụ lắp đặt hệ thống ép cọc.

Tại báo cáo kết quả giám định kỹ thuật an toàn thiết bị của Công ty cổ phần kiểm định kỹ thuật, an toàn và tư vấn xây dựng – INCOSAF đánh giá và kết luận đối với thiết bị máy ép cọc thủy lực và cần trục máy bánh xích (trên cần trục có chữ TADANO): Về hồ sơ thiết bị: Toàn bộ các thiết bị được sử dụng thi công không có đủ hồ sơ giấy tờ liên quan theo quy định. Cần trục bánh xích phục vụ thi công ép cọc (lắp đặt giàn ép, lắp đặt cọc bê tông vào giàn ép, di chuyển giàn ép) là thiết bị không đồng bộ được lắp ghép tại Việt Nam. Máy ép cọc là thiết bị được sản xuất trong nước. Về kiểm tra kỹ thuật thực tế tại hiện trường: Các thiết bị trên còn đảm bảo về kỹ thuật an toàn. Về vận hành đồng bộ thiết bị: Khi thi công ở mặt bằng rộng rãi và bố trí các thiết bị hợp lý tạo tầm quan sát tốt cho người vận hành tới giàn ép thì sự vận hành liên động giữa các thiết bị là an toàn. Trong trường hợp địa hình chật hẹp nếu bố trí các thiết bị không hợp lý (khuất tầm quan sát với nhau) sẽ làm tăng nguy cơ mất an toàn.

Kết luận giám định pháp y về tử thi số 32/20/TT ngày 09/3/2020 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh kết luận: Gãy trật đốt sống cổ C2-C3; vết thương rách vành tai trái, bầm tím và sây sát da mặt trước vai cánh tay phải; mặt sau 1/3 trên cánh tay phải; 1/3 trên mặt trước cẳng chân trái. Cơ chế tổn thương, do vật tày cứng, diện rộng lực tác động mạnh hướng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải vào vùng mặt cổ - vành tai trái làm gãy trật đốt sống cổ C2-C3, tổn thương tủy sống ngang mức, hậu quả làm nạn nhân tử vong.

Cơ quan điều tra đã dựng lại hiện trường, tiến hành thực nghiệm điều tra để xác định nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn. Kết quả thực nghiệm thể hiện: khi máy cẩu không nằm giữa máy ép dầu thủy lực và lồng ép cọc bê tông, làm khuất tầm nhìn của P, P hoàn toàn có thể quan sát được lồng ép và kịp thời phản ứng, điều khiển khung dẫn hướng di động dừng lại, không để tai nạn xảy ra.

Nguyên nhân xảy ra tai nạn là do Trần Xuân D đã không thực hiện công tác quản lý an toàn lao động, không tổ chức, chỉ đạo thi công ép cọc bê tông, sử dụng lao động không qua đào tạo để điều khiển máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vi phạm điểm a, b, d khoản 2 Điều 7 Luật an toàn vệ sinh lao động; khoản 1,2,3 Điều 150 Bộ Luật lao động. Đào Văn Phương là người lao động vận hành máy ép cọc nhưng không qua lớp đào tạo nghề, trong khi điều khiển máy ép dầu thủy lực của hệ thống ép cọc bê tông, đã không chú ý quan sát, không thực hiện đúng quy định về quy trình khi thi công ép cọc bê tông, vi phạm quy định tại mục 13.2.1 TCVN 5308 : 1991 Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng và mục 2.13.2.7 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong xây dựng QCVN18:2014/BXD, do Bộ Xây dựng ban hành năm 2014.

Điều 7 Luật An toàn vệ sinh lao động quy định:

“2. Người sử dụng lao động có nghĩa vụ sau đây:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện và chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc thuộc phạm vi trách nhiệm của mình cho người lao động và những người có liên quan...

b) Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ lao động bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; ...

d) Cử người giám sát, kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật...”

Điều 150 Bộ Luật lao động quy định:

1. Người sử dụng lao động, người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động phải tham dự khóa huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, kiểm tra, sát

hạch và cấp chứng chỉ, chứng nhận do tổ chức hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động thực hiện.

2. Người sử dụng lao động phải tổ chức huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người lao động, người học nghề, tập nghề khi tuyển dụng và sắp xếp lao động; hướng dẫn quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người đến thăm quan, làm việc tại cơ sở thuộc phạm vi quản lý của người sử dụng lao động.

3. Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động phải tham dự khóa huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, kiểm tra sát hạch và được cấp chứng chỉ.

Mục 13.2.1 TCVN 5308 : 1991 Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng quy định: “*Công nhân điều khiển máy đóng cọc phải qua các lớp đào tạo nghề về điều khiển các loại máy đó.*”

Mục 2.13.2.7 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong xây dựng QCVN18: 2014/BXD quy định: “... *Người điều khiển hệ thống thủy lực phải ở vị trí có thể quan sát được tất cả các công việc lắp dựng cọc, hàn nối cọc, lắp đặt cọc dẫn và các công việc phụ trợ khác...*”

Quá trình điều tra, Trần Xuân Dưỡng và Đào Văn Phương đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 106/CT – VKSUB ngày 07 tháng 10 năm 2010, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố bị cáo Trần Xuân D bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố về tội: “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 295 của Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Đào Văn P về tội: “*Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp*” theo quy định tại khoản 1 Điều 129 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Xuân D và Đào Văn P đã khai nhận toàn bộ diễn biến sự việc cũng như hành vi các bị cáo đã thực hiện như đã nêu trên, về trách nhiệm dân sự, bị cáo Trần Xuân D đã bồi thường cho gia đình bị hại với số tiền là 157.500.000đồng, bị cáo Đào Văn P đã bồi thường với số tiền là 35.000.000đồng, tổng số tiền các bị cáo đã bồi thường là 192.500.000đồng, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm.

Đại diện hợp pháp của bị hại chị Trần Thị Htrình bày: Ngày 05/3/2020, anh Trần Minh K là chồng chị bị tai nạn lao động và đã tử vong, sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Trần Xuân D đã bồi thường cho gia đình chị với số tiền 157.500.000đồng, bị cáo Đào Văn P đã bồi thường với số tiền 35.000.000đồng, tổng số tiền các bị cáo đã bồi thường là 192.500.000đồng, nay chị không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Người làm chứng anh Vũ Văn C, Hà Minh T, Trần Văn Công S và anh Lê Tiến H có lời khai phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ: điểm d khoản 2, Điều 295; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Xuân D phạm tội: “Vi phạm quy định về an toàn lao động”. Xử phạt bị cáo Trần Xuân D **03 năm tù**, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án 29 tháng 10 năm 2020.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 129; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đào Văn P phạm tội: “Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp”. Xử phạt bị cáo Đào Văn P từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng, tính từ ngày tuyên án 29 tháng 10 năm 2020.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 02 bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và tại lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

2.1 Về tội danh:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và đại diện hợp pháp của bị hại; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, bản kết luận giám định pháp y về tử thi, biên bản thực nghiệm điều tra cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội

đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 05/3/2020, tại công trình xây dựng nhà ở của anh Lê Tiến H, thuộc khu C, phường P, thành phố U, Trần Xuân D là chủ sử dụng lao động, đã thuê Đào Văn P và các anh Trần Minh K, Hà Minh T và Trần Văn Công S ép cọc bê tông, trong quá trình thi công đã xảy ra tai nạn dẫn đến hậu quả anh Trần Minh K tử vong. Bị cáo Trần Xuân D là người sử dụng lao động, đã không thực hiện công tác quản lý an toàn lao động, không tổ chức, chỉ đạo thi công ép cọc bê tông, sử dụng lao động không qua đào tạo để điều khiển máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vi phạm điểm a, b, d khoản 2 Điều 7 Luật an toàn, vệ sinh lao động; khoản 1,2,3 Điều 150 Bộ Luật lao động, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến các quy định về đảm bảo an toàn lao động, do vậy hành vi của bị cáo Trần Xuân D đã phạm vào tội: “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 295 của Bộ luật hình sự. Đào Văn P là người lao động vận hành máy ép cọc nhưng không qua lớp đào tạo nghề, trong khi điều khiển máy ép dầu thủy lực của hệ thống ép cọc bê tông, đã không chú ý quan sát, không thực hiện đúng quy định về quy trình khi thi công ép cọc bê tông, dẫn đến hậu quả trên. Hành vi của bị cáo P đã xâm phạm đến tính mạng của của người khác, hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi vô ý do quá tự tin, bị cáo biết hành vi của mình là nguy hiểm nhưng tin rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được, nhưng hậu quả vẫn xảy ra. Hành vi của bị cáo Đào Văn P đã phạm vào tội: “*Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp*” theo quy định tại khoản 1 Điều 129 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

2.2 Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Xuân D và Đào Văn P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Xuân D và Đào Văn P đã bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại; được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, bị cáo Trần Xuân D và Đào Văn P được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

2.3 Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết cách ly cả hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu

đến an ninh, trật tự an toàn xã hội là phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 295 của Bộ luật hình sự thì bị cáo Trần Xuân D còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm và khoản 3 Điều 129 của Bộ luật hình sự thì bị cáo Đào Văn P còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, Hội đồng xét xử xét thấy: Cả bị cáo D và bị cáo P đều chưa được cấp phép hoặc chứng chỉ hành nghề nên theo qui định của pháp luật thì cả 02 bị cáo đều đã không được hành nghề và làm công việc này; còn đối với bị cáo D cũng mới mua máy móc thiết bị để thi công việc ép cọc, chưa có thu lợi gì từ công việc này. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ quá trình ép cọc bê tông, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo Trần Xuân D nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về xử lý biện pháp ngăn chặn:

Ngày 13 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Đào Văn P và Trần Xuân D với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày 13 tháng 10 năm 2020 đến hết ngày 26 tháng 11 năm 2020. Do các bị cáo bị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo nên Hội đồng xét xử hủy bỏ biện pháp ngăn chặn nêu trên đối với các bị cáo.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Xuân D và Đào Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt:

- **Căn cứ:** điểm d khoản 2 Điều 295; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51;

khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Xuân D** phạm tội: “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân D **03** (ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **05** (năm) năm, tính từ ngày tuyên án 29 tháng 10 năm 2020.

Giao bị cáo Trần Xuân D cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

- **Căn cứ:** khoản 1 Điều 129; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Đào Văn P** phạm tội: “Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp”.

Xử phạt bị cáo Đào Văn P **18** (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **36** (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án 29 tháng 10 năm 2020.

Giao bị cáo Đào Văn Phương cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo Trần Xuân D và Đào Văn P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ: Điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự

Hủy bỏ: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 68/2020/HSST-LCĐKNCT ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đối với Đào Văn P.

Hủy bỏ: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 69/2020/HSST-LCĐKNCT ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đối với Trần Xuân D.

3. Về án phí:

Căn cứ: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 21, Điểm a khoản 1 Điều 23 Danh mục án phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/ UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Xuân D và Đào

Văn P mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ: Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 29 tháng 10 năm 2020.

Đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Dung Thái Quang Định

Vi Thanh Hà

